

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu dân cư V, phường T, thị xã K, tỉnh H; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 1, xã V1, huyện N, tỉnh H; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã V (nay là V1), huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/11/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ chị tại khu dân cư V, phường T, thị xã K, tỉnh H, vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác, anh T thường xuyên chơi bời cờ bạc, không tu chí làm ăn, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không chịu sửa đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh T về quê ở thôn 1, xã V1, huyện N sinh sống từ tháng 7 năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có hai con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 30/5/2009 và Bùi Phương T1, sinh ngày 26/9/2017, hiện cả hai con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao con chung là Bùi Minh T và Bùi Phương T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Bùi Văn T trình bày: Về điều kiện kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị L trình bày là đúng. Chị L xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh sẽ đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh xác định chị L trình bày là đúng, anh tự nguyện để chị L nuôi cả hai con chung là Bùi Minh T và Bùi Phương T1 và đồng ý với quan điểm của chị L về việc không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do. Anh có đơn trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương xã VI cung cấp: Chị L và anh T kết hôn với nhau hợp pháp vào năm 2008, quá trình chung sống chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn nên mỗi người sống một nơi. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của ông Bùi Văn T2 (bố đẻ anh T): Chị L và anh T kết hôn với nhau hợp pháp vào năm 2008, quá trình chung sống chị L và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện chị L vẫn sống ở thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, anh T hiện đi làm ăn xa thỉnh thoảng về thăm vợ chồng ông. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con gia đình mong muốn anh, chị đoàn tụ, nếu chị L cương quyết xin ly hôn anh T thì gia đình cũng đồng ý không có ý kiến gì.

Tại phiên Tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T; giao con chung là Bùi Minh T và Bùi Phương T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn anh Bùi Văn T; Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là Bùi Minh T và Bùi Phương T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt; anh T có văn bản trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, chị L đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Văn Giang (nay là xã Văn Hội), huyện Ninh Giang nơi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

[3]. Chị L khởi kiện xin ly hôn, anh T biết rõ việc chị L khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh chỉ nộp văn bản trình bày ý kiến, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân từ tháng năm 2019 đến nay nhưng anh không có biện pháp gì cải thiện mối quan hệ vợ chồng, anh xác định tình cảm vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh sẽ đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại lời khai của chị L, biên bản xác minh ngày 27/5/2020, biên bản lấy lời khai của bố đẻ anh T là ông Bùi Văn Tính đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn. Tháng 7 năm 2019 anh T không sống cùng với chị L nữa mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 1, xã V1, huyện N, cũng từ đó hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 7 năm 2019 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh T.

[4]. *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh T có hai con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 30/5/2009 và Bùi Phương T1, sinh ngày 26/9/2017, hiện cả hai con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị giao cả hai con chung Bùi Minh T và Bùi Phương T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T cũng đồng ý để chị L nuôi cả hai con chung; Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Bùi Minh T và Bùi Phương T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. *Về quan hệ tài sản:* Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy L ly hôn anh Bùi Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Minh T, sinh ngày 30/5/2009 và Bùi Phương T1, sinh ngày 26/9/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi; Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thùy L về việc không yêu cầu anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng cho con.

Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0009180, ngày 27 tháng 4 năm 2020.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/6/2020; anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã Văn Hội, huyện Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long